

Mẫu số I.14

(Ban hành kèm theo Phụ lục I của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022  
của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM/ SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc/ Independence - Freedom - Happiness**



**SỔ ĐĂNG KÝ THIẾT BỊ NÂNG VÀ CHI TIẾT THÁO ĐƯỢC CỦA TÀU BIỂN**  
**REGISTER OF SHIP'S LIFTING APPLIANCES AND ITEMS OF LOOSE GEAR**

Cấp theo các quy định của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thiết bị nâng trên tàu biển, Công ước ILO 152, Khuyến nghị 160  
Issued under the provisions of the National Technical Regulation on Lifting Appliances of Sea-going Ships, ILO Convention No. 152, Recommendation No.160

Tên tàu:  
Name of Ship: .....

Số đăng ký:  
Official Number: .....

Hô hiệu:  
Call Sign: .....

Cảng đăng ký:  
Port of Registry: .....

Chủ tàu:  
Name of Owner: .....

Số phân cấp:  
Class Number: .....

Ngày cấp:  
Date of issue: .....

Đơn vị cấp:  
Issued by: .....

Chữ ký và đóng dấu:  
Signature and Stamp: .....

Chú thích: Sổ đăng ký này là mẫu tiêu chuẩn quốc tế theo khuyến nghị của Tổ chức Lao động quốc tế và phù hợp với Công ước ILO 152.  
Note: This Register is the standard international forms as recommended by the International Labour Organization in accordance with ILO Convention No. 152.

## Hướng dẫn Instructions

### 1. Kiểm tra lần đầu và chứng nhận

#### Initial examination and certification

- 1.1 Mỗi thiết bị nâng hàng trước khi đưa vào sử dụng lần đầu phải được Cục Đăng kiểm Việt Nam chứng nhận để đảm bảo là được thiết kế và lắp ráp thoả mãn và có độ bền đầy đủ đối với mục đích dự định sử dụng  
Every lifting appliances shall be certified by a surveyor to Vietnam Register before being taken into use for the first time to ensure that it is of good design and construction and of adequate strength for the purpose for which it is intended.
- 1.2 Đối với mỗi thiết bị nâng hàng trước khi đưa vào sử dụng lần đầu Đăng kiểm viên Cục Đăng kiểm Việt Nam phải giám sát, chứng kiến thử tải và tổng kiểm tra.  
Before being taken into use for the first time a surveyor to Vietnam Register shall supervise and witness testing, and shall thoroughly examine every lifting appliance.
- 1.3 Các hạng mục chi tiết tháo được trước khi đưa vào sử dụng lần đầu phải được Đăng kiểm viên Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc người có thẩm quyền thử tải, tổng kiểm tra và chứng nhận.  
Entry item of loose gear shall, before being taken into use for the first time, be tested, thoroughly examined and certified by a surveyor to Vietnam Register or a competent person.
- 1.4 Sau khi các thủ tục trên hoàn thành thoả mãn, Đăng kiểm viên Cục Đăng kiểm Việt Nam phải hoàn thành và cấp Sổ đăng ký thiết bị nâng hàng tàu biển đính kèm với các Giấy chứng nhận thích hợp. Nội dung phải được ghi vào Phần I của Sổ đăng ký.  
Upon satisfactory completion of the procedures indicated above the surveyor to Vietnam Register shall complete and issue the Register of Lifting Appliances and attach the appropriate Certificates. An entry shall be made in Part I of the Register.
- 1.5 Sơ đồ lắp đặt thể hiện bố trí thiết bị nâng phải được cung cấp. Đối với cần trục dây giăng và cần trục trụ xoay, sơ đồ lắp đặt phải thể hiện ít nhất những thông tin sau:  
A rigging plan showing the arrangement of lifting appliances shall be provided. In the case of derricks and derrick cranes the rigging plan should show at least the following information:
  - .1 vị trí của cáp chằng;  
the position of guys;
  - .2 lực tổng hợp trên puli, cáp chằng, cáp kéo và cần;  
the resultant force on blocks, guys, wire ropes and booms;
  - .3 vị trí của puli;  
the position of blocks;
  - .4 nhãn phân biệt của từng chi tiết riêng biệt;  
the identification mark of individual items;
  - .5 bố trí và phạm vi hoạt động của hệ thống làm việc ghép đôi.  
arrangements and working range of union purchase.

### 2. Kiểm tra và thử tải chu kỳ

#### Periodic examinations and re-testing

---

Chú thích: Sổ đăng ký này là mẫu tiêu chuẩn quốc tế theo khuyến nghị của Tổ chức Lao động Quốc tế và phù hợp với Công ước ILO 152.

Note: This Register is the standard international forms as recommended by the International Labour Office in accordance with ILO Convention No. 152.

- 2.1 Tất cả các thiết bị nâng và mỗi chi tiết tháo được phải được Đăng kiểm viên Cục Đăng kiểm Việt Nam tổng kiểm tra ít nhất một lần trong khoảng thời gian 12 tháng. Chi tiết của các đợt tổng kiểm tra này phải được ghi vào Phần I của Sổ đăng ký.  
All lifting appliances and every item of loose gear shall be thoroughly examined by a surveyor to Vietnam Register at least once in every 12 months. The particulars of these thorough examinations shall be entered in Part I of the Register.
- 2.2 Phải tiến hành thử tải chu kỳ và tổng kiểm tra tất cả các thiết bị nâng và mỗi chi tiết tháo được:  
Re-testing and thorough examination of all lifting appliances and every item of loose gear is to be carried out:
- .1 sau bất kỳ hoán cải lớn nào hoặc thay mới hoặc sau sửa chữa bất kỳ bộ phận chịu lực nào; và  
after any substantial alteration or renewal, or after repair of any stress-bearing part; and
  - .2 ít nhất một lần trong khoảng thời gian 5 năm.  
in the case of lifting appliances at least once in every five years.
- 2.3 Thử tải chu kỳ được nêu trong mục 2.2.1 có thể được miễn nếu phần được thay mới hoặc sửa chữa đó được thử tải riêng, với ứng suất tương đương với ứng suất mà nó chịu khi thử tải thiết bị nâng.  
The re-testing referred to in paragraph 2.2.1 may be omitted provided the part which has been renewed or repaired is subjected by separate test, to the same stress as would have been imposed on it if it had been tested in situ during testing of the lifting appliance.
- 2.4 Tổng kiểm tra và thử tải được nêu trong mục 2.2 phải được ghi vào Phần I của Sổ đăng ký.  
The thorough examinations and tests referred to in paragraph 2.2 are to be entered in Part I of the Register.
- 2.5 Các chi tiết tháo được mới không được chế tạo bằng thép rèn. Nhiệt luyện các thành phần bằng thép rèn hiện có phải được tiến hành thỏa mãn yêu cầu của người có thẩm quyền. Nhiệt luyện các chi tiết tháo được chỉ được áp dụng trừ khi phù hợp với hướng dẫn của nhà sản xuất; thỏa mãn yêu cầu của Đăng kiểm viên Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc người có thẩm quyền. Các đợt nhiệt luyện và kiểm tra liên quan phải được người có thẩm quyền ghi vào Phần I của Sổ đăng ký.  
No new items of loose gear shall be manufactured of wrought iron. Heat treatment of any existing wrought iron components should be carried out to the satisfaction of the competent person. No heat treatment should be applied to any item of loose gear unless the treatment is in accordance with the manufacturer's instruction; to the satisfaction of the surveyor to Vietnam Register or the competent person. Any heat treatment and the associated examination are to be recorded by the competent person in Part I of the Register.

### 3. Kiểm tra Inspections

- 3.1 Các chi tiết tháo được trước khi sử dụng phải được người chịu trách nhiệm kiểm tra bằng mắt thông thường. Đợt kiểm tra thông thường này phải được ghi vào Phần II của Sổ đăng ký, nhưng việc ghi chép này chỉ cần thiết khi kiểm tra chỉ ra khiếm khuyết của chi tiết.  
Regular visual inspections of every items of loose gear shall be carried out by a responsible person before use. A record of these regular inspections is to be entered in Part II of the Register, but entries need only be made when the inspection has indicated a defect in the item.

### 4. Giấy chứng nhận Certificates

- 4.1 Mẫu giấy chứng nhận được sử dụng cùng với Sổ đăng ký (Mẫu CG.1) như sau:  
The certification forms to be used in conjunction with this Register (Form CG.1) are as follows:  
Mẫu CG.2 – Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra cần trục dây giằng, tời và các chi tiết.  
Form CG.2 – Certificate of test and thorough examination of derricks, winches and their accessory gear.  
Mẫu CG.2(U) - Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra cần trục dây giằng, tời và các chi tiết làm việc ghép đôi.  
Form CG.2(U) – Certificate of test and thorough examination of derricks, winches and their accessory gear for operation in Union Purchase.

Mẫu CG.3 – Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra cần trục trục xoay hoặc máy nâng và các chi tiết.  
Form CG.3 – Certificate of test and thorough examination of cranes or hoists and their accessory gear.

Mẫu CG.3LR – Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra thang máy hoặc cầu xe và các chi tiết.  
Form CG.3LR – Certificate of test and thorough examination of cargo lifts or cargo ramps and their accessory gear.

Mẫu CG.4 – Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra chi tiết tháo được.  
Form CG.4 – Certificate of test and thorough examination of loose gears.

Mẫu CG.5 – Giấy chứng nhận thử và tổng kiểm tra dây cáp thép.  
Form CG.5 – Certificate of test and thorough examination of wire ropes.

## 5 Định nghĩa Definitions

- 5.1 “Người có thẩm quyền” là người có hiểu biết và kinh nghiệm cần thiết để thực hiện tổng kiểm tra và thử tải thiết bị nâng và chi tiết tháo được và được Cục Đăng kiểm Việt Nam chấp nhận.  
The term “competent person” means a person possessing the knowledge and experience required for the performance of thorough examinations and tests of lifting appliances and loose gear and who is acceptable to Vietnam Register.
- 5.2 “Người chịu trách nhiệm” là người được thuyền trưởng hoặc chủ tàu chỉ định để chịu trách nhiệm thực hiện kiểm tra và có đủ hiểu biết và kinh nghiệm để đảm nhận việc kiểm tra đó.  
The term “responsible person” means a person appointed by the master of the ship or the owner of the gear to be responsible for the performance of inspections and has sufficient knowledge and experience to undertake such inspections.
- 5.3 “Tổng kiểm tra” là đợt kiểm tra bằng mắt chi tiết do Đăng kiểm viên Cục Đăng kiểm Việt Nam hoặc người có thẩm quyền thực hiện, nếu cần thiết được bổ sung bằng các thiết bị hoặc phương pháp khác nhằm mục đích đưa ra kết luận chính xác về độ an toàn của thiết bị nâng hoặc chi tiết tháo được được kiểm tra.  
The term “thorough examination” means a detailed visual examination by surveyor to Vietnam Register or competent person, supplemented if necessary by other means or measures in order to arrive at a reliable conclusion as to the safety of the lifting appliances or item of loose gear examined.
- 5.4 “Kiểm tra” là kiểm tra bằng mắt do người chịu trách nhiệm thực hiện để xác định, đến mức có thể chắc chắn được, rằng chi tiết tháo được hoặc dây cáp an toàn để sử dụng tiếp.  
The term “inspection” means a visual inspection carried out by a responsible person to decide whether, so far as can be ascertained in such manner, the loose gear or sling is safe for continued use.
- 5.5 “Thiết bị nâng” bao gồm tất cả các thiết bị nâng hàng đứng yên hoặc di động sử dụng trên tàu để treo, nâng hoặc hạ tải trọng hoặc di chuyển chúng từ vị trí này sang vị trí khác trong khi được treo hoặc nâng.  
The term “lifting appliance” covers all stationary or mobile cargo handling appliances used on board ship for suspending, raising or lowering loads or moving them from one position to other while suspended or supported.
- 5.6 “Chi tiết tháo được” bao gồm các chi tiết mà nhờ đó tải trọng có thể liên kết với thiết bị nâng, mà không phải là một phần cấu thành thiết bị hay tải trọng.  
The term “loose gear” covers any gear by means of which a load can be attached to a lifting appliance but which does not form an integral part of the appliance or load.